**Chương I: Những Quy Định Chung**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định về đào tạo, quản lý sinh viên (SV), chương trình (CT) đào tạo, thời gian học, kiểm tra, thi, đánh giá, xét công nhận tốt nghiệp và các vấn đề liên quan.

Áp dụng cho SV chính quy trình độ đại học, cao đẳng Giáo dục Mầm non, báo chí, các CT đào tạo và thời gian học tập, v.v..

Điều 2. Sinh viên chính quy

SV chính quy là người trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh hoặc xét tuyển, thực hiện đúng các quy định của Trường.

SV có quyền lợi và nghĩa vụ như những người học khác, được sắp xếp thời khóa biểu và có thể đăng ký học phần (HP) mùa hè hoặc học lại/cải thiện.

Điều 3. Chương trình đào tạo và thời gian học tập

CT đào tạo bao gồm cấu trúc, nội dung, phương pháp đào tạo, đánh giá, phù hợp với Khung trình độ quốc gia.

Nội dung CT đào tạo được xây dựng theo nhu cầu xã hội, đảm bảo chất lượng và liên thông giữa các trình độ, gồm các học phần lý thuyết, thực hành, thực tập, và trải nghiệm.

Thời gian đào tạo tối đa được quy định (tùy theo CT) và sẽ được Trường thông báo cụ thể.

Điều 4. Khối lượng học tập

Khối lượng HP trong CT được xác định bằng tín chỉ (TC).

1 tín chỉ = 15 giờ học lý thuyết, thực hành, thí nghiệm hoặc 30 - 45 giờ thực tập, tiểu luận, đồ án/khóa luận tốt nghiệp (KLTN).

1 giờ học = 50 phút.

Điều 5. Khối lượng học tập tối thiểu

Đảm bảo yêu cầu Khung trình độ quốc gia (120 TC cho trình độ đại học).

CT chuẩn: 120 TC.

CT chuyên sâu đặc thù: 150 TC.

CT khác: Do Trường quy định.

KLTN hoặc đồ án/báo cáo thực tập: Thường là 15 TC.

Điều 6. Phương thức tổ chức đào tạo

Áp dụng phương thức đào tạo theo tín chỉ, cho phép SV tích lũy TC, cá nhân hóa kế hoạch học tập.

Điều 7. Phân loại sinh viên

Sinh viên mới: Lần đầu học tại Trường.

Sinh viên hiện tại: Đã học được ít nhất 1 học kỳ chính thức.

Điều 8. Phương thức tổ chức giảng dạy

Tổ chức theo học kỳ chính (07 giờ 20 tuần) và học kỳ phụ (học kỳ hè, 07 tuần).

Lớp SV: 01 lớp cố định theo CT, Phòng Đào tạo sắp xếp thời khóa biểu.

Các đoàn 01 buổi/tuần cho hoạt động tập thể.

Điều 9. Phân loại học phần

HP bắt buộc: Bắt buộc phải học để hoàn thành CT.

HP tự chọn: SV được phép chọn trong danh mục để tích lũy đủ số TC yêu cầu.

HP tiên quyết: HP phải học trước để có thể đăng ký HP tiếp theo.

HP song hành: HP phải học cùng lúc.

HP tương đương: HP có nội dung, khối lượng tương đương có thể thay thế.

HP tương đương phải có ít nhất 80% nội dung tương đồng, khối lượng TC bằng nhau.

HP thay thế: HP được phép dùng thay thế cho HP cần học nhưng không còn tổ chức giảng dạy.

Điều 10. Học phí

Học phí (HP) là khoản tiền người học phải nộp để chi trả một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo.

Quy định mức thu HP theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và các quy định khác của Chính phủ.

Tổng học phí toàn khóa = Tổng số TC toàn khóa × Mức thu HP 1 TC.

Điều 11. Lớp sinh viên và cố vấn học tập

Lớp SV: Tổ chức hoạt động lớp, sinh viên cùng ngành, khóa học.

Cố vấn học tập: Giúp SV xây dựng kế hoạch, đăng ký HP và giải quyết các vấn đề liên quan.

Điều 12. Khóa - ngành

Khóa: Nhóm SV trúng tuyển cùng một đợt.

Ngành: Khoa học hoặc lĩnh vực chuyên môn.

Điều 13. Sổ tay sinh viên

Tài liệu hướng dẫn SV về học tập, rèn luyện và các hoạt động khác.

Điều 14. Quy trình học tập

Kế hoạch học tập: Xây dựng kế hoạch cá nhân, đăng ký học phần (HP) theo quy định.

Thực hiện học tập: Tham gia học tập, kiểm tra, thi cử theo quy chế.

Đánh giá, tích lũy kết quả: Đánh giá kết quả cuối học kỳ.

Điều 15. Đăng ký học phần

SV đăng ký HP online, theo quy định về số lượng tín chỉ (TC) tối thiểu/tối đa mỗi học kỳ (tối đa 25 TC, tối thiểu 10 TC).

HP đăng ký được tính là chính thức khi có xác nhận.

Điều 16. Rút bớt học phần đã đăng ký

Được phép rút bớt trong thời hạn quy định. SV phải làm đơn.

HP rút bớt không được tính điểm, không hoàn lại học phí.

Điều 17. Huỷ học phần

Trường hủy HP nếu không đủ số lượng SV đăng ký. SV phải đăng ký lại.

Điều 18. Tạm ngừng học

SV được tạm ngừng học nếu có lý do chính đáng và được chấp thuận.